TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y - TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2024/HNGĐ-ST
Ngày 17/7/2024
V/v Ly hôn; tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y - TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Lực

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thu V1 và ông Nguyễn Hà Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Việt Phúc, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Ông Trần Đăng Chuẩn, Kiểm sát viên

Ngày 17/7/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2024/TLST-HNGĐ ngày 22/3/2024 về việc "Ly hôn; tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/6/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Lương Q sinh năm 1979; nơi cư trú số nhà 29, thị trân Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Phan Tiến Minh, Văn phòng Luật sư Tiến Minh - Đoàn Luật sư tỉnh Ninh Bình; địa chỉ số nhà 93, đường Trần Nhân Tông, phố An Hoà, phường Ninh Phong, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Q1 sinh năm 1982; nơi cư trú số nhà 29, thị trân Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Q trình bày: Anh Q và chị Q1 tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký tại UBND thị trấn Yên Ninh ngày 02/01/2012. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc; từ năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không quan tâm gì đến nhau, chị Q1 không tin tưởng anh Q trong cuộc sống và cho rằng anh Q có quan hệ tình cảm với người khác; từ năm 2021 vợ chồng sống ly thân nhau, không quan tâm gì đến nhau; do tình cảm vợ chồng không còn nên năm 2022 anh Q làm đơn khởi kiện xin ly hôn chị Q1; mặc dù Toà án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Q, nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không hàn gắn được và tiếp tục sống ly thân nhau cho đến này. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên anh Q xin ly hôn chị Q1. Về con, vợ chồng có 02 con là cháu Phạm Minh V sinh ngày 21/9/2012 và cháu Phạm Hà V1 sinh ngày

21/11/2015; anh Q đề nghị giao cháu V cho anh Q nuôi dưỡng cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi, giao cháu V1 cho chị Q1 nuôi dưỡng cho đến khi cháu V1 đủ 18 tuổi; nhưng do chị Q1 muốn nuôi cả 02 cháu nên anh Q đồng ý giao cả hai cháu V và cháu V1 cho chị Q1 nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và anh Q cấp dưỡng nuôi con cho chị Q1 theo quy định của pháp luật. Về tài sản, anh Q không yêu cầu Toà án giải quyết; vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

Tại bản tự khai và tại phiên toà bị đơn là chị Q1 trình bày: Chị Q1 và anh Q tự nguyện kết hôn, có đăng ký tại UBND thị trấn Yên Ninh ngày 02/01/2012. Từ đầu năm 2021 anh Q đi làm ăn và về nói là ly hôn với chị Q1; chị Q1 có nghe nói là anh Q có quan hệ tình cảm như vợ chồng với người khác và từ năm 2021 cho đến nay vợ chồng sống ly thân, anh Q không quan tâm gì đến gia đình và vợ con; năm 2022 anh Q đã khởi kiện xin ly hôn chị Q1, nhưng Toà án đã xử bác đơn xin ly hôn của anh Q; nay tình cảm vợ chồng vẫn còn nên chị Q1 không đồng ý ly hôn anh Q. Về con, vợ chồng có 02 con là cháu Phạm Minh V sinh ngày 21/9/2012 và cháu Phạm Hà V1 sinh ngày 21/11/2015; nếu ly hôn chị Q1 đề nghị giao cả hai cháu V và cháu V1 cho chị Q1 nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; chị Q1 không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con cho chị Q1 và chị Q1 cam đoan sẽ đảm bảo đầy đủ cho cuộc sống, sinh hoạt và học tập cho cả hai cháu V và cháu V1. Về tài sản, chị Q1 không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản; vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

Luật sư Phan Tiến Minh bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho nguyên đơn là anh Q trình bày: Trong cuộc sống chung vợ chồng giữa anh Q và chi Q1 đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị Q1 không quan tâm gì đến anh Q; anh Q xác định tình cảm không còn nên xin ly hôn chị Q1; Đề nghị Toà án căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân vàn gia đình giải quyết cho anh Q được ly hôn chị Q1.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến đối với vụ án: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng thẩm quyền; xác định đúng quan hệ tranh chấp; xác định đúng tư cách đương sự; đã tiến hành thông báo, xác minh, mở phiên họp và thời hạn xét xử đúng quy định. Các bên đương sự đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Q.

- Về ly hôn: Cho anh Q được ly hôn với chị Q1.

- Về nuôi con: Giao cháu Phạm Minh V sinh ngày 21/9/2012 và cháu Phạm Hà V1 sinh ngày 21/11/2015 cho chị Q1 nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị Q1 và anh Q được quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

- Buộc anh Q phải chịu 300.000 đồng án phí về việc ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án như sau:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Anh Q khởi kiện "Xin ly hôn; tranh chấp về nuôi con" với chị Q1, việc khởi kiện của anh Q được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Q1 cư trú tại thị trấn Yên Ninh, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Y thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về yêu cầu ly hôn: Anh Q và chị Q1 tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký tại UBND thị trấn Yên Ninh ngày 02/01/2012, tại thời điểm kết hôn anh Q và chị Nhụng đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại các Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình; do vậy hôn nhân giữa anh Q và chị Q1 là hợp pháp.

Lý do ly hôn: Theo anh Q và chị Q1 đều khai từ năm 2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không quan tâm gì đến nhau và liên quan đến quan hệ tình cảm, dẫn đến từ năm 2021 cho đến nay vợ chồng sống ly thân nhau. Năm 2022 anh Q đã khởi kiện xin ly hôn chị Q1 và Toà án đã xét xử bác yêu cầu khởi kiện của anh Q; nhưng từ đó cho đến nay tình cảm vợ chồng giữa anh Q và chị Q1 vẫn không khắc phục được, vợ chồng vẫn tiếp tục sống ly thân nhau cho đến nay và không còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau.

Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định tình cảm vợ chồng giữa anh Q và chị Q1 trong thời gian qua đã phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không còn yêu thương quý trọng nhau, không quan tâm chăm sóc giúp đỡ nhau; dẫn đến hôn nhân giữa anh Q và chị Q1 lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Q, cho anh Q và chị Q1 ly hôn.

[3] Về nuôi con: Anh Q và chị Q1 có 02 con là cháu Phạm Minh V sinh ngày 21/9/2012 và cháu Phạm Hà V1 sinh ngày 21/11/2015. Anh Q và chị Q1 thoả thuận giao cả hai cháu V và cháu V1 cho chị Q1 nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; trong biên bản lấy lời khai của Toà án cả cháu V và cháu V1 đều có nguyện vọng được ở với chị Q1. Nên chấp nhận thoả thuận giữa anh Q và chị Q1, giao cháu V và cháu V1 cho chị Q1 nuôi dưỡng cho đến khi các cháu V và cháu V1 đủ 18 tuổi.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn: Do chị Q1 không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con cho chị Q1 và chị Q1 cam đoan sẽ đảm bảo đầy đủ cho cuộc sống của cả hai cháu V và cháu V1; nên Toà án không buộc anh Q phải cấp dưỡng nuôi con cho chị Q1.

[4] Về tài sản: Anh Q và chị Q1 cùng trình bày, không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản; vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Q là nguyên đơn nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử:

2.1. Về ly hôn: Cho anh Phạm Lương Q ly hôn chị Nguyễn Thị Q1.

2.2. Về nuôi con: Chấp nhận thoả thận giữa anh Q và chị Q1; giao cháu Phạm Minh V sinh ngày 21/9/2012 và cháu Phạm Hà V1 sinh ngày 21/11/2015 cho chị Q1 nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị Q1.

Anh Q có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu V và cháu V1 được sống chung với chị Q1 và anh Q có quyền thăm mon cháu V và cháu V1; chị Q1 cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Q trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu V và cháu V1. Anh Q không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu V và cháu V1 của chị Q1.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Phạm Lương Q phải chịu 300.000 đồng án phí về việc ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Q đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lại thu tiền tạm ứng án phí số 0001655 ngày 21/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, anh Q đã nộp đủ án phí về việc ly hôn.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Bùi Văn Lực

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện Y
- Chi cục THA
- UBND thị trấn Yên Ninh
- Các đương sự
- Lưu hồ s

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thu V1 **Nguyễn Hà Giang** **Bùi Văn Lực**

Về sự vắng mặt của bị đơn: Tại phiên tòa bị đơn là anh Duy vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Duy.
và quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-DS ngày 19/01/2024

8. Căn cứ cho ly hôn (Điều 89)

a. Theo quy định tại khoản 1 Điều 89 thì Toà án quyết định cho ly hôn nếu xét thấy tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài được, mục đích của hôn nhân không đạt được.

a.1. Được coi là tình trạng của vợ chồng trầm trọng khi:

- Vợ, chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau như người nào chỉ biết bổn phận người đó, bỏ mặc người vợ hoặc người chồng muốn sống ra sao thì sống, đã được bà con thân thích của họ hoặc cơ quan, tổ chức, nhắc nhở, hoà giải nhiều lần.
- Vợ hoặc chồng luôn có hành vi ngược đãi, hành hạ nhau, như thường xuyên đánh đập, hoặc có hành vi khác xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm và uy tín của nhau, đã được bà con thân thích của họ hoặc cơ quan, tổ chức, đoàn thể nhắc nhở, hoà giải nhiều lần.
- Vợ chồng không chung thuỷ với nhau như có quan hệ ngoại tình, đã được người vợ hoặc người chồng hoặc bà con thân thích của họ hoặc cơ quan, tổ chức, nhắc nhở, khuyên bảo nhưng vẫn tiếp tục có quan hệ ngoại tình;

a.2. Để có cơ sở nhận định đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài được, thì phải căn cứ vào tình trạng hiện tại của vợ chồng đã đến mức trầm trọng như hướng dẫn tại điểm a.1 mục 8 này. Nếu thực tế cho thấy đã được nhắc nhở, hoà giải nhiều lần, nhưng vẫn tiếp tục có quan hệ ngoại tình hoặc vẫn tiếp tục sống ly thân, bỏ mặc nhau hoặc vẫn tiếp tục có hành vi ngược đãi hành hạ, xúc phạm nhau, thì có căn cứ để nhận định rằng đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài được.

a.3. Mục đích của hôn nhân không đạt được là không có tình nghĩa vợ chồng; không bình đẳng về nghĩa vụ và quyền giữa vợ, chồng; không tôn trọng danh dự, nhân phẩm, uy tín của vợ, chồng; không tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của vợ, chồng; không giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển mọi mặt.

việc chị Hường và anh Duy sống ly thân nhau đã thể hiện rõ là hôn nhân giữa chị Hường và anh Duy đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được;

Việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con sau ly hôn vừa là quyền và cũng là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con cái.